

Số: 503 /BC-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2014



BÁO CÁO

**Một số vấn đề trong quá trình giải trình, tiếp thu ý kiến của
Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 20/2011/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2011 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XIII; Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, Chính phủ đã có Tờ trình số 28/TTr-CP ngày 07 tháng 02 năm 2014 kèm hồ sơ về Dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) trình Quốc hội.

Tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII đã thảo luận cho ý kiến về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký Báo cáo số 278/BC-CP ngày 12 ngày 8 tháng 2014 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo số 446/BC-CP ngày 22 ngày 10 tháng 2014 gửi Quốc hội về giải trình, tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Ngày 23 tháng 10 năm 2014, tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII đã tiếp tục thảo luận cho ý kiến về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Trên cơ sở ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, các cơ quan hữu quan trong quá trình tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội như sau:

1. Việc tham gia bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Quan điểm của Chính phủ trình Quốc hội về vấn đề này theo hướng thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ của Nhà nước đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã tiếp thu ý kiến các Đại biểu Quốc hội đề xuất theo hướng người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với hai chế độ hưu trí và tử tuất.

Chính phủ thấy rằng, việc khuyến khích tạo điều kiện để người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tham gia bảo hiểm xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, việc tham gia bảo hiểm xã hội dưới hình thức bắt buộc hay tự nguyện đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội cân nhắc vì đối tượng này không hưởng tiền lương mà hưởng phụ cấp, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Nếu quy định tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với hai chế độ hưu trí và tử tuất thì Nhà nước phải hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội vì tiền lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất bằng mức lương cơ sở¹.

Trong hai hình thức tham gia, Chính phủ đề nghị người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.

2. Về tỷ lệ hưởng lương hưu

Tiếp thu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội về lộ trình thực hiện điều chỉnh tỷ lệ hưởng lương hưu bắt đầu từ năm 2018 và để giảm tác động của việc điều chỉnh lương hưu đến mức lương hưu của người nghỉ hưu trước và người nghỉ hưu sau, giữa nam và nữ, Chính phủ đề xuất điều chỉnh tỷ lệ hưởng lương hưu như sau:

“Điều 56. Mức lương hưu hàng tháng

1. Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành cho đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, mức lương hưu hằng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 54 của Luật này được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 62 của Luật này tương ứng với 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm thì tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ; mức tối đa bằng 75%.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, mức lương hưu hằng tháng của người lao động quy định tại khoản 1 Điều này được điều chỉnh như sau: Người nghỉ hưu trong năm 2018 thì 16 năm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội đối với nam và 46% đối với nữ, năm 2019 thì 17 năm đóng được tính bằng 45% đối với nam và 47% đối với nữ, năm 2020 thì 18 năm đóng được tính bằng 45% đối với nam và 48% đối với nữ, năm 2021 thì 19 năm đóng được tính bằng 45% đối với nam và 49% đối với nữ, từ năm 2022 trở đi thì 20 năm đóng được tính bằng 45% đối với nam và 50% đối với nữ. Sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ cho đến năm đóng thứ 25, từ năm đóng thứ 26 trở đi cứ thêm mỗi năm thì tính thêm 2% đối với cả nam và nữ; mức tối đa bằng 75%.

¹ Hiện nay, có khoảng 230.000 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, với mức đóng 14% mức lương cơ sở mà người sử dụng lao động phải đóng đối với mỗi người lao động, mỗi năm ngân sách nhà nước phải bố trí khoản kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho đối tượng này khoảng trên 444 tỷ đồng.

3. Mức lương hưu hằng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật này được tính như quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, sau đó cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 2%.”

Theo phương án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất không có quy định lộ trình đối với lao động nữ nên những lao động nữ nghỉ hưu trong các năm 2018, 2019 và 2020 thì tỷ lệ hưởng lương hưu sẽ có sự sụt giảm lớn so với phương án nêu trên²; người lao động nghỉ hưu từ những năm sau, tuy tỷ lệ hưởng lương hưu có giảm nhưng tiền lương đóng bảo hiểm xã hội đã được cải thiện hơn nên không ảnh hưởng đến lương hưu thực tế của người lao động (cả nam và nữ).

3. Về mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu

Chính phủ thấy rằng, để bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội giữa người lao động trong khu vực nhà nước và ngoài nhà nước, cũng như bảo đảm nguyên tắc đóng hưởng, hướng tới mục tiêu bảo đảm khả năng cân đối quỹ hưu trí và tử tuất trong dài hạn, đề nghị quy định tính bình quân toàn bộ quá trình đóng bảo hiểm xã hội được thực hiện đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ năm 2018 (người sớm nhất có thể áp dụng cách tính toàn bộ quá trình phải là người nghỉ hưu từ năm 2038 trở đi).

4. Về điều kiện hưởng lương hưu đối với cán bộ nữ chuyên trách cấp cơ sở (khoản 3 Điều 54)

Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định điều kiện hưởng lương hưu bao gồm điều kiện về tuổi đời và điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Theo đó, điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội thống nhất chung đối với mọi đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là tối thiểu có 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, quy định này nhằm đảm bảo nguyên tắc đóng - hưởng và khả năng cân đối của quỹ hưu trí và tử tuất. Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) do Chính phủ trình Quốc hội kế thừa quy định này của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006.

Theo phương án đề xuất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở đề nghị của Trung ương Hội liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam quy định lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở cấp xã tham gia bảo hiểm xã hội có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

² Ví dụ: lao động nữ có 25 năm đóng bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu vào năm 2018 theo phương án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì tỷ lệ hưởng lương hưu là 65%, theo Phương án của Chính phủ là 73%; nếu nghỉ hưu vào năm 2019 theo phương án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì tỷ lệ hưởng lương hưu là 65%, theo Phương án của Chính phủ là 71%.

Chính phủ thấy rằng, thực hiện theo phương án này sẽ tạo điều kiện tốt hơn để nữ cán bộ cấp cơ sở được hưởng lương hưu nhưng cũng sẽ tạo sự chênh lệch và không bình đẳng với các nhóm đối tượng lao động nữ khác như: Nữ giáo viên mầm non, nữ xã viên hợp tác xã, lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nữ suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên và lao động nữ ở khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tuy nhiên, xét đặc thù hoạt động của cán bộ nữ chuyên trách cấp cơ sở, Chính phủ thống nhất với đề xuất của Trung ương Hội liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam quy định cán bộ nữ chuyên trách ở cấp xã có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội theo các chức danh ở cơ sở và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

Chính phủ kính báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số vấn đề trong quá trình giải trình, tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Ủy ban của Quốc hội: CVĐXH, PL;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ LĐTBXH;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; các Vụ: KGVX, KTTH;
- Lưu: VT, PL (3). 31

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**



Phạm Thị Hải Chuyền